

Số: /QĐ-UBND

Hạ Hòa, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/5000**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ QCXDVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND huyện Hạ Hòa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Văn bản số 767/SXD-QHKT ngày 09/5/2023 của Sở Xây dựng Phú Thọ về việc cho ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng các xã: Minh Côi, Văn Lang, Bằng Giã, Yên Luật, Lang Sơn, Hương Xạ, Phương Viên, Gia Điền, Hà Lương, Đại Phạm, Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND xã Bằng Giã về việc thông qua đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/5000;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 27/BC-KT&HT ngày 05/6/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/5000, với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/5000.

2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Bằng Giã.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch: Công ty TNHH Vi Vương.

4. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng

Phạm vi lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính xã Bằng Giã, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ; diện tích 836,53 ha.

- Ranh giới lập quy hoạch: Ranh giới tiếp giáp của xã được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp sông Hồng, thị trấn Hạ Hoà và xã Minh Hạc huyện Hạ Hoà;
- + Phía Tây giáp xã Vô Tranh huyện Hạ Hoà;
- + Phía Nam giáp xã Văn Lang huyện Hạ Hoà;
- + Phía Bắc giáp xã Xuân Áng huyện Hạ Hoà.

5. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

5.1. Tính chất

Tuân thủ định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Hạ Hoà và tỉnh Phú Thọ; xây dựng và phát triển xã Bằng Giã theo hướng hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan theo hướng hiện đại, bản sắc, đảm bảo tính bền vững, đồng bộ, đầu nối hợp lý với hạ tầng chung khu vực, khả thi và hiệu quả.

5.2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Chính phủ; quy hoạch sử dụng đất của huyện Hạ Hoà giai đoạn 2021-2030.

- Quy hoạch đồng bộ, gắn kết giữa các khu vực trên địa bàn xã Bằng Giã với các khu vực lân cận, đảm bảo tính thống nhất và động lực phát triển cho xã Bằng Giã cũng như các vùng phụ cận. Làm cơ sở phát triển các cơ sở kinh tế - xã hội của xã Bằng Giã nói riêng và huyện Hạ Hoà nói chung.

- Xác định các chỉ tiêu, cơ cấu sử dụng đất phát triển cho từng lĩnh vực của toàn xã, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa của địa phương; bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Xây dựng mục tiêu, định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, CN-TTCN, thương mại giai đoạn 2021-2030 phù hợp với định hướng chung về phát triển kinh tế xã hội của xã nhằm khai thác tiềm năng và điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội, lịch sử truyền thống và nguồn lực con người cho việc phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động xây dựng nông thôn nói riêng; gắn kết sự phát triển của xã Bằng Giã với sự phát triển kinh tế xã hội chung của toàn huyện Hạ Hoà.

- Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của toàn xã.

- Định hướng tổ chức hệ thống khu trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm hiện trạng.

- Làm cơ sở để triển khai quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư trên địa bàn xã; là căn cứ pháp lý để quản lý và triển khai xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

6. Các chỉ tiêu cơ bản của đồ án

6.1. Quy mô dân số

Tổng dân số của xã tính đến 2021: 3.534 người.

- Dự kiến dân số đến năm 2025: Khoảng 4.388 người.

- Dự kiến dân số đến năm 2030: Khoảng 5.448 người. Tốc độ tăng dân số đạt 4%/năm.

6.2. Cơ cấu, chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:

Đến 2030, tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 836,53ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 363,11 ha, chiếm 43,41 % diện tích tự nhiên;

- Đất xây dựng: 371,96 ha, chiếm 44,46 % diện tích tự nhiên;

- Đất khác: 101,46 ha, chiếm 12,13 % diện tích tự nhiên.

Các chỉ tiêu quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; QCXDVN 01:2021 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

Bảng cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030

Stt	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích(ha)	Tỷ lệ(%)
I	Đất nông nghiệp		363,11	43,41
1	Đất trồng lúa	LUA	112,88	13,49
2	Đất trồng trọt khác	TTK	93,62	11,19
3	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,44	0,77
4	Đất rừng sản xuất	RSX	138,93	16,61
5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	11,24	1,34
II	Đất xây dựng		371,96	44,46
1	Đất ở tại nông thôn		214,24	25,61
1.1	Đất ở làng xóm hiện trạng	OH	157,46	18,82
1.2	Đất ở dân cư mới	OM	56,78	6,79
2	Đất công cộng	CC	7,29	0,87
3	Đất thể dục thể thao, cây xanh	TDTT, CX	20,16	2,41
3.1	Đất thể dục thể thao	TDTT	2,85	0,34
3.2	Đất cây xanh	CX	17,31	2,07
4	Đất tôn giáo, di tích, đền đình	TG	3,03	0,36
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề	CN	7,05	0,84

6	Đất xây dựng chức năng khác	CK	42,53	5,08
7	Đất hạ tầng kỹ thuật		77,38	9,25
7.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>GT</i>	<i>69,08</i>	<i>8,26</i>
7.2	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NT</i>	<i>8,30</i>	<i>0,99</i>
8	Đất hạ tầng khác	HTKT	0,10	0,01
9	Đất quốc phòng, an ninh	QP,CA	0,18	0,02
III	Đất khác		101,46	12,13
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	MN	101,46	12,13
	Tổng		836,53	100,00

7. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian

Giữ nguyên trụ sở UBND xã, trạm y tế, điểm bưu điện. Tiến hành cải tạo, chỉnh trang nhằm nâng cao vị thế khu trung tâm xã.

Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng.

Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trường học, đáp ứng được nhu cầu học tập và khu sân bãi vui chơi cho các cháu.

Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa xã, khu thể thao xã; kết hợp quy hoạch mới các khu thương mại dịch vụ, khu công viên cây xanh, mặt nước góp phần đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ, vui chơi giải trí của nhân dân.

7.1. Cải tạo chỉnh trang thôn, xóm cũ

Tập trung phát triển mở rộng các công trình công cộng, giáo dục đạt được theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam và tiêu chuẩn quốc gia. Tận dụng các quỹ đất công ích của địa phương để triển khai xây dựng các công trình cấp thiết phục vụ nhân dân.

- Giữ nguyên điểm dân cư hiện có, cải tạo chỉnh trang. Mở rộng, cứng hóa các tuyến đường nội thôn, hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

- Chỉnh trang, cải tạo công trình trong khuôn viên ở của từng hộ gia đình để thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất và đảm bảo vệ sinh môi trường. Xây dựng hệ thống lưu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm cũ.

- Khu vực dân cư mới được bố trí quanh khu vực dân cư hiện hữu. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp được đưa ra ngoài, xa khu dân cư. Các khu vực sản xuất nông nghiệp được bố trí tập trung theo từng khu vực sản xuất.

7.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới

Hiện tại, diện tích đất ở của xã là 157,46ha. Dự kiến diện tích đất dân cư mới của xã đến năm 2030 thêm khoảng 56,78ha. Các khu ở mới được quy hoạch với tầng cao tối đa là 5 tầng, mật độ xây dựng tuân thủ QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Bảng thống kê các điểm dân cư mới

Stt	Tên điểm	Vị trí	Diện tích (ha)
1	Điểm A1	Khu 7	18,97
2	Điểm A2	Khu 6	14,31
3	Điểm A3	Khu 5	14,10
4	Điểm A4	Khu 5	4,02
5	Điểm A5	Khu 8	5,38
Tổng			56,78

7.3. Định hướng tổ chức các công trình hạ tầng xã hội

Bảng định hướng tổ chức các công trình hạ tầng xã hội

Stt	Hạng mục công trình	Vị trí quy hoạch	Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch	Định hướng kiến trúc
1	Trụ sở UBND xã	Khu 3	4.000	Quy hoạch mở rộng	Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn, làng xã khu vực trung du miền núi, phù hợp với công trình công sở cấp xã: + Chiều cao 1-3 tầng + Mật độ xây dựng: ≤40% + Diện tích xây xanh: ≥30%
2	Trụ sở ban công an xã	Khu 3	1.800	Quy hoạch mới	
3	Bưu điện văn hóa xã	Khu 3	300	Quy hoạch mới	Cải tạo, chỉnh trang công trình hiện trạng
4	Đất văn hóa - thể thao				
4.1	Đất văn hóa - thể thao xã				Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn, làng xã, khu vực trung du miền núi, mang đặc trưng của công trình văn hóa + Chiều cao 1-2 tầng + Mật độ xây dựng ≤ 40%
4.1.1	Khu thể thao trung tâm xã	Khu 3	28.467	Quy hoạch mới	
4.2	Đất văn hóa - thể thao khu dân cư				
4.2.1	Nhà văn hóa	Khu 1	1.000	Quy hoạch mở rộng	
4.2.2	Nhà văn hóa	Khu 2	1.000	Quy hoạch mới	
4.2.3	Nhà văn hóa	Khu 3	1.017	Quy hoạch mới	
4.2.4	Nhà văn hóa	Khu 4	3.477	Quy hoạch mới	

4.2.5	Nhà văn hóa	Khu 5	1.100	Quy hoạch mới	
4.2.6	Nhà văn hóa	Khu 6	1.500	Quy hoạch mở rộng	
4.2.7	Nhà văn hóa	Khu 7	1.700	Giữ nguyên hiện trạng	
4.2.8	Nhà văn hóa	Khu 8	2.000	Quy hoạch mới	
5	Đất y tế				
5.1	Trạm y tế xã	Khu 3	3.186	Quy hoạch mở rộng	+ Chiều cao từ 1-2 tầng + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$ + Tỷ lệ diện tích đất cây xanh $\geq 30\%$
6	Đất giáo dục				
6.1	Trường mầm non				Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn, làng xã, khu vực trung du miền núi, đảm bảo mỹ quan phù hợp khu vực xung quanh: + Chiều cao 1-3 tầng + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\geq 30\%$
6.1.1	Điểm trường mầm non	Khu 3	12.207	Quy hoạch mới	
6.1.2	Điểm trường mầm non	Khu 7	735	Giữ nguyên hiện trạng	
6.2	Trường Tiểu học Bằng Giã	Khu 3	5.223	Giữ nguyên hiện trạng	
6.3	Trường THCS Bằng Giã	Khu 1	13.677	Giữ nguyên hiện trạng	
7	Đất chợ				
7.1	Chợ xã	Khu 6	5.703	Giữ nguyên hiện trạng	Chiều cao 1-2 tầng Mật độ xây dựng tối đa 40%
7.2	Chợ xã	Giáp Ngòi Lao	5.971	Quy hoạch mới	
8	Đất tôn giáo, danh lam, thắng cảnh, di tích, đình đền,...				
8.1	Nhà thờ giáo	Khu 4	4.716	Giữ nguyên hiện trạng	
8.2	Đình Thao Hà	Khu 5	7.197	Quy hoạch mới	
8.3	Đình Phú Vĩnh	Khu 3	2.701	Giữ nguyên hiện trạng	
8.4	Đình Phú Yên	Khu 1	2.430		
8.5	Chùa Khánh Long	Khu 3	5.478		
8.6	Chùa Quang Linh	Khu 1	865		
8.7	Chùa Phú Hoà	Khu 8	5.000	Quy hoạch mở rộng	
8.8	Chùa Phú Nhuận	Khu 6	2.000		

7.4. Các khu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Quy hoạch mở rộng đất sản xuất CN-TTCN tại khu 6 diện tích 59.826m², bố trí ô đất CN01.

- Giữ nguyên hiện trạng đất sản xuất CN-TTCN tại khu 1 diện tích 10.725m², bố trí ô đất CN02.

7.5. Quy hoạch đất xây dựng các chức năng khác

- Quy hoạch mới bệnh viện tư nhân tại khu 6+7 xã Bằng Giã diện tích 16.988m², bố trí ô đất CK01.

- Quy hoạch mở rộng đất thương mại dịch vụ tại khu 6 diện tích 12.713m², bố trí ô đất CK02.

- Quy hoạch mới đất xây dựng chức năng khác tại khu 6 diện tích 30.914m², bố trí ô đất CK03.

- Quy hoạch mới đất xây dựng chức năng khác tại khu 8 diện tích 58.560m², bố trí ô đất CK04.

- Quy hoạch mới khu du lịch sinh thái khu 8 diện tích 300.052m², bố trí ô đất CK05.

- Quy hoạch mới đất xây dựng chức năng khác tại khu 7 diện tích 3.948m², bố trí ô đất CK06.

7.6. Khu vực sản xuất và phục vụ nông nghiệp

Trên địa bàn xã, định hướng quy hoạch 5 loại hình sản xuất bao gồm:

- Vùng trồng lúa: Quy hoạch các vùng trồng lúa với diện tích 112,88ha.

- Vùng trồng trọt khác: Quy hoạch các vùng với diện tích 93,62ha.

- Vùng rừng sản xuất: Quy hoạch các vùng với diện tích 138,93ha.

- Vùng nông nghiệp khác: Quy hoạch các vùng với diện tích 6,44 ha.

- Vùng nông thủy sản: Quy hoạch các vùng với diện tích 11,24ha.

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại

Trong giai đoạn quy hoạch, nâng cấp, làm mới hệ thống giao thông hiện có đảm bảo đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hiện nay và trong tương lai. Chi tiết cụ thể như sau:

Stt	Tên tuyến	Kí hiệu	Định hướng quy hoạch					Ghi Chú
			Chiều dài (m)	Mặt đường (m)	Nền đường (m)	Hành lang an toàn (m)	Kết cấu	
A	Cao tốc Nội Bài-Lào Cai	CT	1.234	28,5	34,5	20		
B	Đường Quốc lộ		5.489					
1	Từ Xuân Áng đi Cẩm Khê	QL32C	1.702	10	12	15		Nâng cấp cải tạo

2	Từ QL32C đi xã Vô Tranh	QL70B	3.787	10	12	15	BT Nhựa	Nâng cấp cải tạo, cấp III MN
C	Đường tỉnh		4.666					
3	Từ QL32C đi Vô Tranh	ĐT321B	3.327	10	12	15	BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng lên đường cấp III MN
4	Từ xã Vô Tranh đi huyện Cẩm Khê	LV (Quy hoạch lên đường tỉnh)	1.339	10	12	15	BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng lên đường cấp III MN
D	Đường huyện		1.413					
1	Từ đường huyện 68B đi Cẩm Khê	ĐH69	1.413	10	12	10	BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng lên đường cấp IV MN
E	Đường liên xã		8.002					
1	Từ đường Quốc lộ 70B đi xã Xuân Áng	TX01	920	6	16		BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng
2	Từ đường Quốc lộ 70B đi xã Xuân Áng	TX02	1.508	6	16		BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng
3	Từ đường Quốc lộ 70B đi xã Văn Lang	TX03	1.765	6	16		BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng
4	Từ QL32C đi huyện Cẩm Khê	TX04	1.362	6	16		BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng
5	Từ đường huyện 68B đến đường huyện 69	TX05	2.447	6	16		BT Nhựa	Nâng cấp mở rộng

b. Giao thông đối nội

Quy hoạch mới một số tuyến đường phục vụ nhu cầu đi lại của địa bàn, tăng khả năng tiếp cận hệ thống giao thông của người dân. Góp phần tạo đà phát triển kinh tế nội lực của vùng.

Cải tạo hệ thống giao thông nội bộ có sẵn, mở rộng mặt cắt ngang, xây dựng hệ thống vỉa hè nhằm tạo cảnh quan nông thôn mới, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi kèm.

8.2. Quy hoạch cấp điện

* Nguồn cấp

- Khu vực xã Bằng Giã được cấp điện chủ yếu từ lộ 35KV của trạm 110kV Hạ Hòa, cần đảm bảo hành lang an toàn lưới điện

* Mạng lưới và trạm biến áp

- Sử dụng lưới điện 35Kv cấp điện cho xã Bằng Giã. Mạng lưới cấp điện là mạng đi nổi. Hệ thống trạm biến áp trên địa bàn xã Bằng Giã gồm 19 TBA trong đó 09 TBA quy hoạch mới, 10 TBA nâng cấp.

- Nhu cầu sử dụng điện của xã Bằng Giã đến năm 2030 khoảng 3.230 KVA.

8.3. Thông tin liên lạc

- Lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc, truyền thông ổn định có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng mở rộng. Tiến hành lắp đặt mạng lưới thông tin liên lạc nhờ vào sự tăng công suất của các tổng đài hệ thống thông tin liên lạc sẵn có, lắp đặt hệ thống tổng đài mới.

- Mạng bưu chính công cộng được xây dựng, quản lý và phát triển theo chiến lược, quy hoạch.

- Mạng bưu chính công cộng bao gồm các trung tâm đầu mối, bưu cục, điểm phục vụ, thùng thư công cộng được kết nối với nhau bằng các tuyến đường thư. Các bưu cục, điểm phục vụ, thùng thư công cộng được ưu tiên đặt tại các khu dân cư và các địa điểm công cộng để phục vụ nhu cầu của người dân.

8.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Xí nghiệp nước sạch tại Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê.

- Nhu cầu sử dụng nước sạch xã Bằng Giã đến năm 2030 khoảng 1.155,85m³/ng.đ.

- Mạng lưới nước sinh hoạt: Mạng lưới cấp nước sạch được thiết kế mới, sử dụng đường ống đi ngầm. Trên cơ sở lưu lượng nước tổng và lưu lượng nước cung cấp cho các hộ tiêu thụ lựa chọn mạng lưới tuyến ống cấp nước.

8.5. Quy hoạch thoát nước

- Mạng lưới thoát nước thiết kế theo hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất; kết cấu hệ thống thoát nước là kiểu cống tròn, đường ống. Tuy nhiên, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất cần được xử lý trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Ngoài ra, tại các khu cần xây dựng các hố ga tại các trục đường và bố trí điểm xử lý nước thải trước khi thải ra mương tiêu ngoài khu dân cư.

- Căn cứ vào điều kiện về địa hình tự nhiên và hiện trạng thoát nước thải của xã Bằng Giã, có thể thiết kế hệ thống thoát nước của xã như sau: Hệ thống mương thoát nước chính: Bố trí các tuyến cống dọc theo hệ thống đường trục xã, trục thôn. Hệ thống mương thoát nước phụ từ đường ngõ xóm đến hệ thống thoát nước chung được bố trí bằng các tuyến cống dọc theo đường ngõ xóm.

8.6. Xử lý chất thải rắn

Định hướng quy hoạch như sau:

- Điểm tập kết rác thải sinh hoạt sử dụng chung với xã Vô Tranh.

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng

một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ, không còn tái chế được, sẽ chuyển về bãi trung chuyển CTR để vận chuyển lên khu xử lý chất thải rắn của huyện.

- Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý CTR công nghiệp, chất thải nguy hại với các đơn vị chuyên trách, để chuyển CTR về khu xử lý của tỉnh.

8.7. Quy hoạch nghĩa trang

Giữ nguyên diện tích nghĩa trang hiện có, xây dựng các nghĩa trang nhân dân theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của địa phương. Đồng thời quy hoạch mới, mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa chi tiết được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Hạng mục công trình	Vị trí	Diện tích (m ²)	Định hướng quy hoạch
1	Nghĩa trang khu 1 (vị trí 1)	Khu 1	23.303	Giữ nguyên hiện trạng
2	Nghĩa trang khu 1 (vị trí 2)	Khu 1	7.233	Quy hoạch mở rộng
3	Nghĩa trang khu 3	Khu 3	10.059	Quy hoạch mở rộng
4	Nghĩa trang khu 4	Khu 4	6.030	Giữ nguyên hiện trạng
5	Nghĩa trang khu 5 (vị trí 1)	Khu 5	6.645	Giữ nguyên hiện trạng
6	Nghĩa trang khu 5 (vị trí 2)	Khu 5	1.533	Giữ nguyên hiện trạng
7	Nghĩa trang khu 7	Khu 7	17.633	Quy hoạch mở rộng
8	Nghĩa trang khu 8	Khu 8	10.822	Quy hoạch mở rộng

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

9.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Dự án đầu tư hệ thống đường giao thông trục xã, thôn, xóm, giao thông nội đồng; Dự án đầu tư hệ thống thủy lợi

- Dự án đầu tư hệ thống cấp thoát nước, cấp điện.

9.2. Các dự án hạ tầng xã hội:

- Dự án xây dựng mới các công trình khu văn hóa – thể thao trung tâm xã

- Dự án đầu tư xây dựng trường học

- Dự án nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, xây mới vườn thuốc nam trong trạm y tế.

9.3. Các dự án về sản xuất.

- Dự án xây dựng vùng lúa chất lượng;

- Dự án xây dựng khu nuôi trồng thủy sản;

- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, môi trường....)

9.4. Nguồn lực thực hiện

Vốn ngân sách nhà nước, vốn tự có của nhà đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Giã giai đoạn 2021-2030, được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và các dự án đầu tư theo quy hoạch được duyệt.

- UBND xã Bằng Giã chịu trách nhiệm và chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt; quản lý thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Lao động - Thương binh và xã hội, Nội vụ; Chủ tịch UBND xã Bằng Giã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Phú Thọ;
- TTHU, TTHĐND (b/c);
- CT, CPCT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hồng